Phụ lục I

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Theo Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe-Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga		ТРКИ-1	ТРКИ-2

Phụ lục II

DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

STT	Ngành đào tạo	Ngành (chuyên ngành) phù hợp	Các học phần BSKT
1	Kỹ thuật địa chất (chuyên ngành ĐCKS&TD)	Nhóm 1: Địa chất khoáng sản và thăm dò, Địa chất, Nguyên liệu khoáng, Đia chất dầu khí. Nhóm 2: ĐCCT, ĐCTV, Kỹ thuật địa vật lý, Tin học địa chất, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật dầu khí Nhóm 3: Khai thác mỏ, Kỹ thuật tuyển Khoáng, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Địa tin học,	1. Địa chất khoáng sản 2. Phương pháp điều tra và đánh giá khoáng sản 3. Phương pháp thăm dò các mỏ. 4. Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng 5. Toán ứng dụng trong nghiên cứu địa chất
2	Kỹ thuật địa chất (chuyên ngành ĐCCT)	Nhóm 1: ĐCCT, ĐCTV-ĐCCT, Địa kỹ thuật xây dựng Nhóm 2: Địa chất, Địa chất KS&TD, Nguyên liệu khoáng, Địa chất dầu khí, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật địa vật lý, Tin học địa chất, Nhóm 3: Các ngành Kỹ thuật xây dựng và Kỹ thuật xây dựng công trình; Khai thác mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Địa tin học,	1. Địa chất đại cương 2. Đất đá xây dựng và các PP cải tạo đất 3. Địa chất động lực công trình 4. Các phương pháp nghiên cứu và khảo sát ĐCCT
3	Kỹ thuật địa chất (chuyên ngành ĐCTV)	Nhóm 1: ĐCTV, ĐCTV-ĐCCT Nhóm 2: Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật cấp thoát nước, ĐCCT, Địa kỹ thuật xây dựng, Địa chất, Địa chất KS&TD, Nguyên liệu khoáng, Địa chất dầu khí, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật địa vật lý, Tin học địa chất, KT môi trường. Nhóm 3: Khai thác mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Địa tin học,	1. Thủy địa hóa và nước khoáng 2. Đánh giá trữ lượng nước dưới đất 3. Các PP điều tra ĐCTV và nghiên cứu động thái cân bằng nước dưới đất 4. Vận động nước dưới đất 5. Thoát nước công trình ngầm và mỏ 6. Cấp nước và xử lý nước cấp 7. Địa chất thủy văn Việt Nam
4	Địa chất học	Nhóm 1: Địa chất, ĐCKS&TD, Địa chất dầu khí Nhóm 2: Địa lý tự nhiên, Bản đồ, ĐCCT, Địa kỹ thuật xây dựng, ĐCTV,	1. Ứng dụng viễn thám trong Địa chất + TH 2. Địa chất môi trường 3. Địa chất Việt Nam

		Nguyên liệu khoáng, Kỹ thuật địa vật lý, Tin học địa chất, Địa tin học	4. Kiến tạo Mảng
			5. Địa chất biển Đại cương
5	Khoáng vật học và Địa hóa học	Nhóm 1: Địa chất, ĐCKS&TD, Nguyên liệu khoáng, Địa chất dầu khí Nhóm 2: ĐCCT, ĐCTV, Địa kỹ thuật, KT địa vật lý. Nhóm 3: Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Tin học địa chất.	1. Khoáng vật học + TH
			2. Địa hóa
			3. Thạch học Magma và Biến chất
			4. Thạch hoc Trầm tich
			5. Địa chất Việt Nam
6	Kỹ thuật dầu khí	Nhóm 1: Kỹ thuật dầu khí, Khoan khai thác, Khoan thăm dò, Công nghệ khoan, Thiết bị dầu khí Nhóm 2: Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật địa vật lý, Khai thác mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	1. Kỹ thuật dầu khí đại cương
			2. Công trình dầu khí đại cương
			3. Thiết bị dầu khí đại cương
			4. Công nghệ khoan dầu khí
			5. Công nghệ khai thác dầu khí
			6. Kỹ thuật mỏ dầu khí
			7. Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu
7	Kỹ thuật địa vật lý	Nhóm 1: Kỹ thuật địa vật lý, Địa chất dầu khí Nhóm 2: Địa chất, Kỹ thuật địa chất, Nguyên liệu khoáng, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật dầu khí, Khai thác mỏ, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật môi trường, Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật hạt nhân, Tin học địa chất, Địa tin học	1. Địa vật lý đại cương
			2. Địa vật lý giếng khoan
			3. Thăm dò địa chấn
			4. Thăm dò điện
			5. Thăm dò từ và trọng lực
			6. Thăm dò phóng xạ
8	Kỹ thuật hóa học	Nhóm 1: Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu, các ngành hóa học khác Nhóm 2: Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường	1. Truyền nhiệt
			2. Truyền chất
			3. Thiết kế và mô phỏng trong công nghệ hóa học
			4. Kỹ thuật đo và điều khiển trong KT hóa học
			5. Nhiệt động học 1
			6. Xúc tác trong Công nghệ Hóa học
9			1. Máy thủy khí

	Kỹ thuật cơ khí động lực	Nhóm 1: Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ khí, Máy và Thiết bị mỏ, Thiết bị dầu khí, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật ô tô Nhóm 2: Kỹ thuật năng lượng, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Điện khí hóa	2. Máy khai thác
			3. Máy vận tải
			4. Máy nâng máy xếp dỡ
10	Kỹ thuật điện	Nhóm 1: Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Điện khí hóa, Cơ điện, Điện công nghiệp Nhóm 2: Kỹ thuật năng lượng, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Máy và Thiết bị mỏ, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật ô tô	1. Cơ sở cung cấp điện
			2. An toàn điện
			3. Máy điện
			4. Khí cụ điện
11	KT điều khiển và tự động hóa	Nhóm 1: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Nhóm 2: Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Điện khí hóa, Cơ điện, Điện công nghiệp, Kỹ thuật viễn thông	1. Lý thuyết điều khiển tự động
			2. Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình
			3. Hệ thống máy tính và ngôn ngữ lập trình
			4. Điều khiển số
			5. Mạng truyền thông công nghiệp
12	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	Nhóm 1: Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng. Nhóm 2: Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kiến trúc, Quản lý đô thị và công trình. Nhóm 3: Khai thác mỏ, Địa kỹ thuật xây dựng,Địa chất công trình, Trắc địa mỏ - công trình, Kinh tế xây dựng.	1. Xây dựng CTN dân dụng và công nghiệp
			2. Cơ sở thiết kế cấu tạo XDCTN và mỏ
			3. Cấu tạo và tính toán kết cấu chống giữ CTN
			4. Cơ học đá
			5. Tin học ứng dụng trong xây dựng CTN
			6. Tổ chức, quản lý thi công
13	Khai thác mỏ	Nhóm 1: Khai thác mỏ, Công nghệ mỏ, Kỹ thuật mỏ Nhóm 2: Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm và mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Tin học mỏ Nhóm 3: Kỹ thuật địa chất, Máy và thiết bị mỏ, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật thăm dò và khảo sát.	1. Phá vỡ đất đá bằng phương pháp khoan nổ mìn
			2. Mở vỉa và khai thác than hầm lò
			3. Các quá trình sản xuất trên mỏ lộ thiên
			4. Thông gió mỏ
			5. Cơ sở khai thác mỏ lộ thiên
			6. Cơ sở Khai thác mỏ hầm lò

14	Kỹ thuật tuyển khoáng	Nhóm 1: Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật tuyển luyện Nhóm 2: Nguyên liệu khoáng, Địa chất khoáng sản và thăm dò, Khai thác mỏ, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Luyện kim.	1. Tuyển nổi
			2. Tuyển vật lý
			3. Thiết kế xưởng tuyển khoáng
			4. Lấy mẫu kiểm tra và điều khiển quá trình công nghệ tuyển
15	KT trắc địa - bản đồ	Nhóm 1: Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý, Địa chính, Địa tin học Nhóm 2: Quản lý đất đai; Tin học trắc địa; Khoa học thông tin địa không gian; Công nghệ thông tin địa học; Địa lý tự nhiên; Khoa học dữ liệu. Kỹ thuật an toàn hàng hải. Nhóm 3: Quy hoạch vùng và đô thị; Kiến trúc; Quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Khảo sát thiết kế xây dựng; Hải dương học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý biển đảo và đới bờ, Khí tượng và khí hậu học, Lâm nghiệp đô thị; Kiến trúc cảnh quan; Quản lý tài nguyên rừng, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ.	1. Trắc địa cao cấp
			2. Trắc địa cơ sở
			3. Các phương pháp Trắc địa-Bản đồ trong quan trắc Tài nguyên và Môi trường
			4. Trắc địa công trình
			5. Địa chính đại cương
			6. Trắc địa công trình giao thông thủy lợi
			7. Cơ sở trắc địa mỏ
			8. Cơ sở hệ thông tin địa lý
16	Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý	Nhóm 1: Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý, Bản đồ học, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Địa chính, Địa tin học, Địa lý tự nhiên, Khoa học thông tin địa không gian, Công nghệ thông tin địa học Nhóm 2: Quản lý đất đai; Tin học trắc địa, Khoa học dữ liệu, Kỹ thuật an toàn hàng hải Nhóm 3: Quy hoạch vùng và đô thị; Kiến trúc; Quản lý đô thị và công trình, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Khảo sát thiết kế xây dựng; Hải dương học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý biển đảo và đới bờ, Khí tượng và khí hậu học, Lâm nghiệp đô thị; Kiến trúc cảnh quan; Quản lý tài nguyên rừng, Thủy văn học, Địa chất học, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ.	1. Cơ sở bản đồ
			2. Thiết kế bản đồ
			3 Trình bày bản đồ
			4. Cơ sở GIS
			5. Cơ sở Đo ảnh
			6. Cơ sở Viễn thám
			7. Phép chiếu bản đồ
			8. Xử lý ảnh số

17	Quản lý kinh tế	Nhóm 1: Kinh tế học, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính công, Quản trị kinh doanh, Quản lý công, Chính sách công, Quản trị nhân lực, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng. Nhóm 2: Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế thủy lợi, Luật kinh tế, Tin kinh tế, Bảo hiểm, Thống kê kinh tế, Kinh tế chính trị, Toán kinh tế, Khoa học quản lý, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý KH&CN, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đô thị và công trình, Quản lý xây dựng, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Nhóm 3: Các ngành đào tạo trình độ đại học khác liên quan trực tiếp với chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý.	1. Kinh tế học 2. Maketing căn bản 3. Quản trị tài chính 4. Kinh tế quản trị doanh nghiệp 5. Phân tích kinh tế HĐKD 6. Nguyên lý kế toán 7. Quản trị dự án đầu tư 8. Quản trị nhân lực
18	Kỹ thuật môi trường	Nhóm 1: Kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường Nhóm 2: Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Luyện kim, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ,	1. Kỹ thuật xử lý nước và nước thải 2. Quan trắc và xử lý số liệu môi trường 3. Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại 4. Kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn 5. Cơ sở địa sinh thái - địa môi trường
19	Địa tin học	Nhóm 1: Địa tin học, Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin Nhóm 2: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Toán Tin, Toán ứng dụng, Nhóm 3: Điện tử viễn thông, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Bản đồ viễn thám và HTTĐL, Địa lý tự nhiên, Thuỷ văn học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai	1. Cơ sở lập trình 2. Cơ sở dữ liệu 3. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 4. Mã nguồn mở 5. Lập trình hướng đối tượng với Java
20	Quản lý đất đai	Nhóm 1: Quản lý đất đai, Địa chính, Bất động sản. Nhóm 2: Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Khoa học đất; Quản lý tài nguyên và môi trường, Địa tin học, Bản đồ Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý; Quản lý vùng và đô thị; Quy hoạch đô thị và công trình.	1. Quản lý nhà nước về đất đai 2. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 3. Đăng ký thống kê đất đai 4. Thị trường bất động sản 5. Quản lý tài chính về đất đai

		Nhóm 3: Các ngành đào tạo trình độ đại học khác liên quan trực tiếp với chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý	6. Đo đạc địa chính 1
			7. Quy hoạch sử dụng đất
			8. Biên tập bản đồ số
21	Kỹ thuật cơ khí	Nhóm 1: Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ khí động lực, Máy và Thiết bị mỏ, Thiết bị dầu khí, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật ô tô Nhóm 2: Kỹ thuật năng lượng, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Điện khí hóa	1. Cơ Sở Thiết kế máy
			2. Nguyên lý gia công và dụng cụ cắt
			3. Công nghệ chế tạo máy 1
			4. Công nghệ chế tạo máy 2
			5. Máy công cụ
			6. Chế tạo phôi
22	Kỹ thuật xây dựng	Nhóm 1: Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật cấp thoát nước, Địa kỹ thuật xây dựng. Nhóm 2: Kiến trúc, Kinh tế xây dựng, Quản lý đô thị và công trình, Quản lý xây dựng, Quy hoạch đô thị và công trình, Kỹ thuật vật liệu, Kinh tế và quản lý đô thị, Địa chất công trình. Nhóm 3: Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Quản lý đất đai, Bất động sản, Khai thác mỏ, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước.	1. Cơ học đất xây dựng
			2. Nền và móng công trình xây dựng
			3. Vật liệu XD
			4. Kết cấu bê tông cốt thép
			5. Kết cấu Thép
			6.Tổ chức và quản lý thi công

Ảnh 3x4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CAO HỌC

Kính gửi: **Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học**
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Họ và tên: . . . . . .

Giới tính: . . . . . Dân tộc: . . . . . .

Ngày sinh: . . . . . Nơi sinh: . . . . . .

Số CMTND/CCCD. . . . .Ngày cấp. . . . . Nơi cấp .. . .

Quê quán: . . . . . Dân tộc: . . . . . .

Nơi ở hiện nay: . . . . . .

Cơ quan công tác: . . . . . .

. . . . . .

Địa chỉ liên hệ: Điện thoại. . . . . .Email: . . . . . .

Tốt nghiệp đại học năm:. . . . . Ngành/chuyên ngành: . . . . . .

Tại trường: . . . . . .

Hệ đào tạo: . . . . . .

Xếp loại tốt nghiệp: . . . . . .

Chứng chỉ tiếng Anh *(nếu có):* . . . . . .

Đối tượng ưu tiên: . . . . . .

Đăng ký dự tuyển sinh cao học:

Ngành: . . . . . Mã số: . . . . . .

Hình thức đào tạo: Tập trung ☐ Vừa học vừa làm: ☐

Định hướng chương trình đào tạo: Ứng dụng ☐ Nghiên cứu: ☐

Tôi xin thực hiện đúng các quy định đối với thí sinh dự tuyển và nếu trúng tuyển sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về đào tạo sau đại học.

Ngày . . . . tháng . . . . năm 20....
Người làm đơn

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Giới tính:
Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:
Quê quán: Dân tộc:
Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại cơ quan: Điện thoại nhà riêng:
Fax: E-mail:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. **Trung học chuyên nghiệp:**
   Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ / đến /
   Nơi học (trường, thành phố):
   Ngành học:
2. **Đại học:**
   Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ / đến /
   Nơi học (trường, thành phố):
   Ngành học:
   Tên đồ án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp:
   Ngày và nơi bảo vệ đồ án, luận án hoặc thi tốt nghiệp:
   Người hướng dẫn:
3. **Thạc sĩ:**
   Thời gian đào tạo từ / đến /
   Nơi học (trường, thành phố):
   Ngành học:
   Tên luận văn:
   Ngày và nơi bảo vệ luận văn:
   Người hướng dẫn:
4. **Tiến sĩ:**
   Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ / đến /
   Tại (trường, viện, nước):
   Tên luận án:
   Người hướng dẫn:
   Ngày và nơi bảo vệ:
5. **Trình độ ngoại ngữ** (biết ngoại ngữ gì, mức độ):

6. **Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng, ngày và nơi cấp:**

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:

..... , ngày..... tháng....năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CỬ ĐI HỌC
(ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI KHAI KÝ TÊN